TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa:

NgK đơn: Chị Vì Thị L, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Bản Chặm Cẳng, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Bản Chặm Cẳng, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vì Thị L và anh Lò Văn D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Vì Thị L và anh Lò Văn D nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị L, anh D có 02 con chung là Lò Thị Mai K, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lò Duy Q, sinh ngày 05/04/2010.

Giao cháu K, cháu Lâm cho anh Thuận trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K, cháu Lâm trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K cùng anh D mức 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2020 đến khi cháu K trưởng thành. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lâm cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị L, anh D xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

d. Về án phí: Chị Vì Thị L chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004173 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh